Bản tin thuế ES-GLOCAL

02-2019

*So sánh NĐ **20/2017**/NĐ-CP & TT 66/2010/TT-BTC xác định giá trị thị trường trong giao dịch liên kết*

Sơ lược

Những thay đổi ở Nghị định 20/2017/NĐ-CP (NĐ 20) so với Thông tư 66/2010/TT-BTC nhằm thắt chặt hơn việc giao dịch giữa các bên có mối liên hệ liên kết

Ngày 24/02/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("Nghị định 20") Quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định 20 này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2017 với nhiều quy định mới, quy định chi tiết và chặt chẽ hơn. Những quy định tại Nghị định 20 được hiểu sẽ thay thế cho Thông tư 66/2010/TT-BTC ("Thông tư 66") do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/04/2010 Hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết.

Nhìn chung, nội dung của Nghị định 20 đã cập nhật các hướng dẫn mới của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Chương trình Chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS).

So với những quy định tại Thông tư 66, Nghị định số 20 có các thay đổi và khác biệt chính như sau:

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66

Nghị định 20	Thông tư 66
01 Các bên có quan hệ liên kết	
- Số lượng các trường hợp giao dịch với các bên được gọi là giao dịch liên kết: 10	- Số lượng các trường hợp giao dịch với các bên được gọi là giao dịch liên kết: 13
- Liên kết thông qua hình thức tỷ lệ sở hữu vốn (trực tiếp/gián tiếp): >= 25% vốn góp	- Liên kết thông qua hình thức tỷ lệ sở hữu vốn (trực tiếp/gián tiếp): >= 20% vốn góp
- Liên kết thông qua hình thức bảo lãnh hoặc cho vay vốn: vốn vay >= 25% vốn góp của doanh nghiệp đi vay; và vốn vay > 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay.	- Liên kết thông qua hình thức bảo lãnh hoặc cho vay vốn: vốn vay >= 20% vốn đầu tư của doanh nghiệp đi vay; và vốn vay > 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay.
Khoản vay bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các khoản giao dịch tài chính có bản chất tương tự.	Không quy định/Không đề cập cụ thể.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
- Không quy định.	- Liên kết thông qua hình thức sử dụng tài sản vô hình hoặc quyền sở hữu trí tuệ của một doanh nghiệp khác với điều kiện chi phí phải trả cho việc sử dụng tài sản vô hình, quyền sở hữu trí tuệ đó chiếm trên 50% giá vốn (hoặc giá thành) sản phẩm.
- Không quy định.	- Liên kết thông qua hình thức một doanh nghiệp cung cấp trực tiếp/gián tiếp trên 50% tổng giá trị nguyên vật liệu, vật tư hoặc sản phẩm đầu vào (không bao gồm chi phí khấu hao đối với tài sản cố định).
- Không quy định.	- Liên kết thông qua hình thức một doanh nghiệp kiểm soát trực tiếp/gián tiếp trên 50% sản lượng sản phẩm tiêu thụ (tính theo từng chủng loại sản phẩm).

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
- Không quy định.	- Liên kết thông qua hình thức hai doanh nghiệp có thỏa thuận hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng.
- Liên kết thông qua hình thức một hoặc nhiều doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp.	- Không quy định.
- Liên kết thông qua các hình thức khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia.	- Không quy định.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
02 Áp dụng nguyên tắc xác định bản chất giao dịch	
- Áp dụng nguyên tắc **"Bản chất quyết định hình thức"** nhằm xác định bản chất của các giao dịch liên kết để công nhận/không công nhận các giao dịch liên kết.	- Không quy định/Không đề cập
03 Thuật ngữ áp dụng	
- Áp dụng thuật ngữ **"Công ty mẹ tối cao của tập đoàn"** để chỉ pháp nhân có vốn chủ sở hữu trực tiếp/gián tiếp tại các pháp nhân khác của một tập đoàn đa quốc gia và không bị sở hữu bởi bất kỳ pháp nhân nào khác.	- Không quy định/Không đề cập

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
04 Yêu cầu phân tích	
- Có yêu cầu về phân tích so sánh đặc thù của Tài sản vô hình	- Không quy định/Không đề cập.
05 Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	
- Chi phí phát sinh trong giao dịch liên kết không phù hợp với bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;	- Không quy định/Không đề cập.
- Chi phí phát sinh từ một số trường hợp dịch vụ được cung cấp;	- Không quy định/Không đề cập.
- Chi phí lãi vay trong trường hợp vượt mức giới hạn 20% tổng lợi nhuận thuần cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ (EBITDA).	- Không quy định/Không đề cập.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
06 Cơ sở dữ liệu	
- Dữ liệu công bố trên thị trường chứng khoán;	- Dữ liệu công bố trên thị trường chứng khoán;
- Cơ sở dữ liệu do các tổ chức kinh doanh thông tin cung cấp;	- Dữ liệu, chứng từ, tài liệu về giao dịch kinh doanh phục vụ cho mục đích kê khai nộp thuế do doanh nghiệp cung cấp và tự chịu trách nhiệm;
- Thông tin dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế;	- Thông tin dữ liệu do các tổ chức, cá nhân hoạt đông trong lĩnh vực dịch vụ hành nghề độc lập được cấp phép hoạt động xác nhận hoặc công bố công khai;
- Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước công bố công khai hoặc các nguồn chính thức khác.	- Thông tin dữ liệu do các cơ quan bộ, ngành, hiệp hội và tổ chức được Nhà nước công nhận công khai hoặc cung cấp theo yêu cầu.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
07 Dữ liệu tài chính so sánh	
- Đảm bảo độ tin cậy;	- Cần nếu rõ nguồn gốc xuất xứ để CQT có thể kiểm tra, xác minh;
- Tỷ suất, tỷ lệ tương đối cần làm tròn đến hai (02) sau dấu thập phân	- Tỷ suất, tỷ lệ tương đối cần làm tròn đến ba (03) sau dấu thập phân
08 Số lượng đối tượng so sánh và điều chỉnh yếu tố khác biệt trọng yếu	
- Một đối tượng trong trường hợp không có khác biệt;	- Một đối tượng trong trường hợp không có khác biệt;
- Ba đối tượng trường hợp có khác biệt nhưng đủ thông tin, dữ liệu để làm cơ sở loại trừ tất cả các khác biệt trọng yếu;	- Ba giao dịch trong trường hợp có khác biệt nhưng có đủ thông tin, dữ liệu làm cơ sở loại trừ tất cả các khác biệt trọng yếu;
- Năm đối tượng trở lên trong trường hợp chỉ có thông tin, dữ liệu làm cơ sở để loại trừ hầu hết các khác biệt trọng yếu.	- Bốn giao dịch trong trường hợp chỉ có thông tin, dữ liệu làm cơ sở để loại trừ hầu hết các khác biệt trọng yếu.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
09 Kê khai thông tin về GDLK	
- Mẫu số 01: Thông tin về quan hệ liên kết và GDLK tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định 20; - Mẫu số 02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ quốc gia; - Mẫu số 03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ toàn cầu; - Mẫu số 04: Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia *(trong trường hợp Công ty mẹ tối cao có trách nhiệm lập Báo cáo này theo quy định của Cơ quan thuế nước sở tại)*; - Nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế TNDN.	- Kê khai theo Mẫu số 03-7/TNDN: Thông tin về giao dịch liên kết (Ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT-BTC); - Nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế TNDN.
10 Các đối tượng, trường hợp được miễn kê khai	
- Chỉ phát sinh giao dịch với bên liên kết là đối tượng nộp thuế TNDN tại VN, áp dụng cùng mức thuế suất và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế. - Căn cứ miễn trừ phải kê khai tại Mục I, Mục II - Mẫu số 01.	- Không quy định.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
11 Lập, lưu trữ hồ sơ và căn cứ xác định PP giá trị trường	
- Hồ sơ xác định GDLK phải được lập hàng năm và trước thời điểm kê khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính);	- Thông tin, tài liệu, chứng từ và phương pháp xác định giá thị trường đối với GDLK phải được lập tại thời điểm diễn ra GDLK, được cập nhật bổ sung trong suốt quá trình thực hiện giao dịch;
- Hồ sơ phải được lưu giữ, xuất trình theo yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan thuế.	- Thông tin, tài liệu và chứng từ phải được lưu trữ theo quy định hiện hành về kế toán, thuế, thống kê và cung cấp khi có yêu cầu của CQT.
12 Thời hạn cung cấp hồ sơ xác định giá GDLK cho CQT	
- TH 1: Cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra: không quá 15 ngày làm việc; - TH2: Trong quá trình tham vấn trước khi thanh tra, kiểm tra: không quá 30 ngày làm việc và được gia hạn thêm không quá 15 ngày làm việc nếu có lý do chính đáng;	- Không quá 30 ngày làm việc và được gia hạn thêm 30 ngày nếu có lý do chính đáng

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
13 Hồ sơ xác định giá GDLK	
- Hồ sơ quốc gia (theo Mẫu 02 tại PL ban hành kèm theo Nghị định 20); - - Hồ sơ thông tin tập đoàn toàn cầu (theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20); - - Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao (theo Mẫu 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20).	- Hồ sơ xác định giá GDLK tượng tự như Nghị định 20 quy định;
14 Đơn vị đại diện, tư vấn	
- DN kiểm toán độc lập, tư vấn hoặc DN kinh doanh làm thủ tục về thuế được đại diện cho NNT lập Hồ sơ xác định giá GDLK.	- Không quy định/Không đề cập cụ thể.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
15 Miễn lập hồ sơ GDLK	
- DN có tổng DT trong năm nhỏ hơn 50 tỷ đồng và tổng giá trị GDLK trong năm nhỏ hơn 30 tỷ đồng; - DN thực hiện chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ việc sử dụng tài sản vô hình nếu trong năm cóDT nhỏ hơn 200 tỷ đồng và có tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) trên doanh thu trong năm đáp ứng các tỷ lệ sau: ▪ Lĩnh vực phân phối: >=5% ▪ Lĩnh vực sản xuất: >=10% ▪ Lĩnh vực gia công: >=15% - Doanh nghiệp đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá (APA).	- Không quy định.

So sánh Nghị định 20 & Thông tư 66 (tiếp theo)

Nghị định 20	Thông tư 66
16 Quy định về Ấn định thuế	
CQT có quyền ấn định mức giá/ tỷ suất lợi nhuận/ tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sử dụng để kê khai tính thuế và ấn định thu nhập chịu thuế/ số thuế TNDN phải nộp nếu: - DN không kê khai đầy đủ hoặc không nộp Mẫu 01; - DN cung cấp không đầy đủ thông tin tại Mẫu 02, Mẫu 03; - DN sử dụng các thông tin về giao dịch độc lập không đúng thực tế hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ; - DN có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 11 Nghị định 20.	CQT có quyền ấn định mức giá được sử dụng để kê khai tính thuế, ấn định thu nhập chịu thuế hoặc số thuế TNDN phải nộp nếu: - DN không kê khai đầy đủ hoặc không nộp Mẫu 03-7/TNDN; - DN dựa vào các tài liệu, dữ liệu và chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ; - DN tạo ra các giao dịch độc lập giả mạo hoặc sắp đặt lại các GDLK thành giao dịch độc lập; - CQT nghi ngờ DN không áp dụng hoặc cố tình không áp dụng đúng quy định tại Thông tư 66 và DN không chứng minh được trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận thông báo của CQT.

Khuyến nghị của chúng tôi

Với các thông tin và cũng như nội dung về Thông tư 66 và Nghị định 20, chúng tôi Hãng Kiểm toán ES-GLOCAL đã tóm lượt những điểm cơ bản sự khác biệt giữa hai văn bản này.

Hiện nay, với quy định của Nghị định 20 đã và đang quy định chặt chẽ hơn về giao dịch liên kết, quan hệ giao dịch liên kết. Nhưng kiểm soát, giảm thiểu việc chuyển lợi nhuận, trốn thuế, tránh thuế của các doanh nghiệp trong hệ thông với nhau.

Để tránh, giảm thiểu rủi ro về Chuyển giá các doanh nghiệp, kế toán cần tuân thủ các quy định về kê khai, lập hồ sơ xác định giá, quy định về lập hồ sơ xác định giá trong giao dịch liên kết;

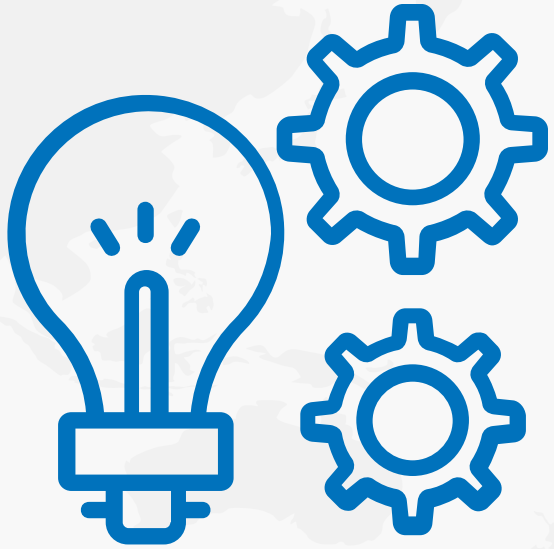

Liên hệ đơn vị tư vấn thuế chuyên nghiệp để được hỗ trợ khi cần thiết, đảm bảo cập nhật thông tin về các yêu cầu tuân thủ, lập tờ khai và bộ hồ sơ chứng minh kịp thời và xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh phù hợp.

Xin vui lòng liên hệ với các chuyên gia đầu nghành tại Hãng Kiểm toán ES-GLOCAL để được hỗ trợ, tư vấn đầy đủ, chi tiết, khả thi và kịp thời.

Thông tin liên hệ

Bản tin chỉ được sử dụng cho mục đích tham khảo. Hãng Kiểm toán ES-GLOCAL không chịu trách nhiệm về các sai sót trong bản tin này, cũng như các tổn thất gây ra do việc sử dụng các thông tin từ Bản tin này mà không có ý kiến tư vấn chính thức từ Hãng Kiểm toán ES-GLOCAL trước khi thực hiện.

Xin liên hệ với các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp của chúng tôi nếu quý vị có nhu cầu cần sử dụng các thông tin từ Bản tin này hoặc cần sự trợ giúp của Hãng Kiểm toán ES-GLOCAL. Các bạn có thể xem thêm chi tiết tại Website: www.es-glocal.com

Nguyễn Hồng Hải (CPA, CPTA, Valuer)

Phó Tổng giám đốc, tư vấn thuế cao cấp

024 6666 33 69 (Ext: 401)
0971 956 956
hai.nguyen@es-glocal.com

Nguyễn Đình Viên (CPA, CPTA)

Trưởng phòng kiểm toán, tư vấn thuế

024 6666 33 69 (Ext: 301)
0965 446 382
vien.nguyen@es-glocal.com